SAO Y; VĂN PHÒNG, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG; 17/04/2024; 9:31:47 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 97 /KH-UBND	*Hải Phòng, ngày 16 tháng 4 năm 2024*

KẾ HOẠCH
Kiểm tra công tác cải cách hành chính nhà nước năm 2024 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Thực hiện Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước thành phố Hải Phòng năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 4791/QĐ-UBND ngày 29/12/2023, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính nhà nước năm 2024 trên địa bàn thành phố (sau đây gọi tắt là Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính) với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình kế hoạch, kết luận, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

- Đôn đốc, hướng dẫn, chấn chỉnh các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố về tiến độ, hiệu quả, chất lượng thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực cải cách hành chính.

- Đánh giá những nội dung đã làm được, phát hiện kịp thời những sáng kiến kinh nghiệm, mô hình hiệu quả để có phương án nhân rộng mô hình trong toàn thành phố.

- Đánh giá những nội dung chưa làm được, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện chỉ đạo của Trung ương và thành phố về công tác cải cách hành chính, qua đó xác định những vấn đề cần tập trung chỉ đạo hoặc bổ sung, điều chỉnh trong thời gian tiếp theo.

- Kết quả kiểm tra công tác cải cách hành chính là căn cứ đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính năm 2024, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 và là một trong những tiêu chí, cơ sở quan trọng để Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, đánh giá người đứng đầu các đơn vị, địa phương.

2. Yêu cầu

- Hoạt động kiểm tra bảo đảm đúng pháp luật, chính xác, khách quan và trung thực; không làm cản trở hoạt động chuyên môn hàng ngày của cơ quan, tổ chức và cá nhân là đối tượng được kiểm tra.

- Kết hợp nội dung kiểm tra cải cách hành chính chuyên đề của các Sở, ngành, trong đó chú trọng, tập trung hướng dẫn các nội dung công tác cải cách hành chính còn hạn chế, có khó khăn, vướng mắc. Kết thúc hoạt động kiểm tra năm 2024 phải kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo khắc phục, hoàn thiện những vấn đề còn tồn tại, bất cập; khẩn trương chấn chỉnh, xử lý những tập thể, cá nhân sai phạm nếu có.

- Thủ trưởng các đơn vị, địa phương được kiểm tra chỉ đạo chuẩn bị nghiêm túc, đầy đủ báo cáo, hồ sơ, tài liệu và các nội dung liên quan phục vụ hoạt động kiểm tra.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Kiểm tra các lĩnh vực cải cách hành chính trong đó tập trung vào các nội dung sau:

1.1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Việc thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố; việc ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của các đơn vị, địa phương;

- Thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao;

- Thực hiện quy định pháp luật và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

- Công tác tiếp công dân;

- Việc thực hiện các văn bản chỉ đạo của Uỷ ban nhân dân thành phố: Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 21/9/2023 về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) năm 2023 - 2024 của thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 268/KH-UBND ngày 30/11/2022 về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) giai đoạn 2022 - 2025 của thành phố Hải Phòng.

1.2. Cải cách thể chế

Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

1.3. Cải cách thủ tục hành chính

- Công tác chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 20/2008/NĐ-CP, số 63/2010/NĐ-CP, số 48/2013/NĐ-CP, số 92/2017/NĐ-CP, số 61/2018/NĐ-CP, số 45/2020/NĐ-CP, số 107/2021/NĐ-CP; các Thông tư của Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP, số 01/2018/TT-VPCP và các văn bản chỉ đạo của Uỷ ban nhân dân thành phố;

- Việc thực hiện công bố, công khai thủ tục hành chính;

- Kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị tại Bộ phận Một cửa (kiểm tra thực tế hồ sơ giải quyết TTHC);

- Việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính;

- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, thủ tục hành chính;

- Công tác truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

- Kết quả thực hiện thực hiện Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030" trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2024 (Đề án số 06) theo Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 15/02/2024 của Uỷ ban nhân dân thành phố.

1.4. Cải cách tổ chức bộ máy

- Việc thực hiện Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 11/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các Sở, ngành; các cơ quan hành chính trực thuộc Sở, ngành; phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố;

- Việc thực hiện Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 29/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về triển khai Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.

1.5. Cải cách chế độ công vụ

- Việc bố trí, sử dụng công chức, viên chức theo Đề án vị trí việc làm;

- Việc bổ nhiệm công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị;

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị;

- Công tác lập hồ sơ điện tử và giao nộp hồ sơ vào lưu trữ cơ quan theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

- Việc thực hiện chỉnh lý tài liệu tồn đọng theo Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 12/02/2019 của UBND thành phố về việc phê duyệt đề án chỉnh lý tài liệu tồn đọng từ 2010-2015 tại các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử thành phố.

1.6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Việc thực hiện Kế hoạch số 325/KH-UBND ngày 19/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về chuyển đổi số năm 2024; Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 06/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về ứng dụng Công nghệ thông tin trong

hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 – 2025;

- Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Việc khắc phục các nội dung bị trừ điểm trong Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố; khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra qua thanh tra, kiểm tra các nội dung có liên quan về cải cách hành chính trong năm 2022, 2023 *(nếu có)*.

3. Kiểm tra chuyên đề

- Các đơn vị chủ trì chủ động thành lập các đoàn kiểm tra chuyên đề để thực hiện kiểm tra đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố;

- Thực hiện kiểm tra đồng thời với Đoàn kiểm tra cải cách hành chính nếu trùng đối tượng kiểm tra tại Kế hoạch này để tránh chồng chéo, tiết kiệm thời gian của các cơ quan, đơn vị.

III. THỜI GIAN, THÀNH PHẦN, PHƯƠNG PHÁP, ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA

1. Thời gian thực hiện kiểm tra: Từ tháng 6/2024 đến tháng 12/2024.

2. Thành phần kiểm tra

a) Thành phần Đoàn kiểm tra:

- Trưởng Đoàn: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phụ trách công tác cải cách hành chính.

- Phó Trưởng Đoàn: Lãnh đạo Sở Nội vụ.

- Thành viên Đoàn kiểm tra gồm lãnh đạo các Sở, ngành: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Thành phần đơn vị, địa phương được kiểm tra:

- Đại diện lãnh đạo đơn vị.

- Trưởng bộ phận, công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa.

- Công chức, viên chức có liên quan đến các nội dung công tác cải cách hành chính của đơn vị.

3. Phương pháp kiểm tra:

3.1. Kiểm tra theo Kế hoạch, có thông báo trước

- Đoàn kiểm tra thông báo lịch kiểm tra.

- Cơ quan, đơn vị chuẩn bị báo cáo (theo mẫu được hướng dẫn), gửi Đoàn kiểm tra trước ngày kiểm tra ít nhất 3 ngày làm việc.

- Đoàn kiểm tra trực tiếp làm việc tại cơ quan, đơn vị và có thể là việc với một số tổ chức, cá nhân liên quan tại cơ quan, đơn vị để kiểm tra, xác minh.

- Đại diện đơn vị báo cáo và trao đổi với Đoàn kiểm tra những vấn đề liên

quan đến nội dung kiểm tra.

3.2. Kiểm tra đột xuất

Căn cứ tình hình thực tiễn, trên cơ sở đề xuất của Sở Nội vụ, Đoàn kiểm tra tiến hành không thông báo trước đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương về kết quả thực tế triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính và trao đổi, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc (nếu có).

4. Đối tượng kiểm tra

4.1. Đoàn kiểm tra của thành phố thực hiện kiểm tra tại 12 đơn vị, địa phương sau:

- Sở Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Ngoại vụ, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Tư pháp, Sở Giao thông vận tải.

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện: Hồng Bàng, Lê Chân, Kiến An, Kiến Thụy, Tiên Lãng, Cát Hải.

4.2. Ngoài 12 đơn vị, địa phương nêu trên, căn cứ chỉ đạo của Trung ương, thành phố và kết quả, tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn thành phố, Đoàn kiểm tra thực hiện kiểm tra một số cơ quan, đơn vị khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố và các Sở, ngành có liên quan tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra Cải cách hành chính của thành phố;

- Ban hành Quyết định thành lập Tổ giúp việc; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Tổ giúp việc;

- Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, đề xuất Trưởng đoàn xây dựng lịch kiểm tra cụ thể tại các đơn vị, địa phương; thông báo lịch kiểm tra cho các đơn vị, địa phương được kiểm tra; xây dựng dự thảo Thông báo kết luận kiểm tra, trình Trưởng Đoàn kiểm tra phê duyệt.

- Bố trí phương tiện đi chung cho Đoàn kiểm tra tại các đơn vị, địa phương.

2. Các Sở, ngành: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thanh tra thành phố:

- Cử công chức tham gia Tổ giúp việc Đoàn kiểm tra của thành phố;

- Kiểm tra, hướng dẫn các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Chủ động trao đổi, thống nhất với Sở Nội vụ để kết hợp nội dung kiểm tra cải cách hành chính chuyên đề của Sở, ngành (nếu có) với hoạt động kiểm tra của Đoàn kiểm tra để đảm bảo các nội dung trong kiểm tra cải cách hành chính chỉ được kiểm tra một lần tại mỗi cơ quan, đơn vị trong năm 2024.

3. Các đơn vị, địa phương được kiểm tra

- Xây dựng Báo cáo phục vụ kiểm tra theo đề cương gửi kèm Kế hoạch này, gửi Sở Nội vụ trước khi kiểm tra ít nhất 03 ngày làm việc.

- Báo cáo, cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin, tài liệu, nội dung theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra; bố trí lãnh đạo và công chức có liên quan làm việc trực tiếp với Đoàn kiểm tra.

4. Các cơ quan báo chí của thành phố

Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng, Báo Hải Phòng, Cổng Thông tin điện tử thành phố phối hợp ghi hình, đưa tin phục vụ công tác tuyên truyền nội dung cải cách hành chính.

V. KINH PHÍ

Kinh phí hoạt động của Đoàn kiểm tra: Từ nguồn kinh phí cải cách hành chính năm 2024 bố trí cho hoạt động của cơ quan thường trực cải cách hành chính năm 2024.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các đơn vị, địa phương nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính nhà nước năm 2024.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương phản ánh qua Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- TTTU, TT HĐNDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- UBND các quận, huyện;
- Đài PT&TH HP, Báo HP, Cổng TTĐT TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: KSTTHC, TH, NC&KTGS;
- Lưu: VT, KSTTHC4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Anh Quân

Phụ lục

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO PHỤC VỤ KIỂM TRA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024

(Dành cho các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện)

(Kèm theo Kế hoạch số 97 /KH-UBND ngày 16 / 4 /2024 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

- Chỉ đạo về thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) tại đơn vị, bao gồm: Kế hoạch CCHC năm, Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC, kiểm tra công vụ.

- Công tác tuyên truyền về CCHC.

- Sáng kiến, mô hình, các làm mới trong triển khai, thực hiện các nội dung công tác cải cách hành chính (nếu có).

- Thực hiện việc cam kết không gây phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực theo Quyết định số 2029/2015/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC năm 2024:

+ Tổng số nhiệm vụ trong kế hoạch: … nhiệm vụ.

+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành: … nhiệm vụ.

+ Số nhiệm vụ đang thực hiện: … nhiệm vụ.

- Nhiệm vụ UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố giao năm 2024.

+ Tổng số nhiệm vụ được giao: … nhiệm vụ.

+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn: … nhiệm vụ.

+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn: … nhiệm vụ.

+ Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành: … nhiệm vụ.

- Những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong cải cách hành chính được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại địa phương.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Việc thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ; Công tác tiếp công dân.

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Công tác chuẩn bị tiếp công dân, việc thực hiện tiếp công dân thường xuyên và định kỳ, đột xuất của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

- Kết quả thực hiện việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị thuộc thẩm quyền.

- Việc cập nhật phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo.

- Việc thực hiện chế độ bồi dưỡng cán bộ, công chức, người làm công tác tiếp công dân theo quy định tại Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật.
- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.
- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:

+ Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra: %
+ Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra.
+ Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong.
+ Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát: %
+ Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát.
+ Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong.

3. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Kết quả thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 16/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp; Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2024.

- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.
- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp *(Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm ứng dụng, nhân sự, cơ chế phối hợp, chế độ hỗ trợ cho công chức, viên chức và người lao động).*
+ Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC.
+ Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC;
+ Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC.

- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân.

4. Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI)

- Kết quả thực hiện Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 21/9/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) năm 2023 - 2024 của thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 268/KH-UBND ngày 30/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) giai đoạn 2022 - 2025 của thành phố Hải Phòng.

- Công tác giải quyết thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện.

5. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Tổ chức bộ máy

- Số lượng phòng, ban, đơn vị trực thuộc; nêu cụ thể từng phòng, ban, đơn vị trực thuộc.

- Số biên chế được giao? Số biên chế hiện có? Việc bố trí biên chế theo Đề án vị trí việc làm?

- Việc thực hiện Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 11/3/2022 của UBND thành phố triển khai thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các sở, ngành; các cơ quan hành chính trực thuộc sở, ngành; phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố theo quy định của Chính phủ.

b) Việc thực hiện phân cấp quản lý nhà nước:

- Văn bản tham mưu cho UBND thành phố thực hiện phân cấp hoặc đề xuất với UBND thành phố kiến nghị với Bộ chủ quản nội dung phân cấp.

- Thanh tra, kiểm tra nội dung quản lý nhà nước đã phân cấp (Quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra).

- Thực hiện nội dung quản lý nhà nước được phân cấp.

6. Cải cách chế độ công vụ

- Việc bố trí, sử dụng công chức, viên chức theo Đề án vị trí việc làm (cả công chức cấp xã đối với UBND cấp huyện).

- Việc bổ nhiệm công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị.

- Công tác lập hồ sơ điện tử và giao nộp hồ sơ vào lưu trữ cơ quan theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ về công tác văn thư.

- Việc thực hiện chỉnh lý tài liệu tồn đọng theo Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 12/02/2019 của UBND thành phố về việc phê duyệt đề án chỉnh lý tài liệu tồn đọng từ 2010 - 2015 tại các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử thành phố.

7. Cải cách tài chính công

a) Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Việc xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

b) Việc thực hiện các quy định về công khai tài chính.

c) Việc thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

d) Việc giải ngân vốn đầu tư công.

8. Xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) tại cơ quan.

- Văn bản ban hành phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số của các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện.

- Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp thành phố đến cấp xã:

+ Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND thành phố: %

+ Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND thành phố: %

+ Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện: %

- Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử: %

+ Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành: %

+ Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện: %

+ Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã: %

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình:

+ Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình: %.

+ Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

+ Số TTHC đang cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

+ Số TTHC đang cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến.

- Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia: %

+ Tổng số TTHC đang cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

+ Số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận dịch vụ công trực tuyến toàn trình (đối với các TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ): %

+ Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả toàn trình và một phần).

+ Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến toàn trình.

b) Duy trì việc áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015:

- Việc áp dụng trên thực tế hệ thống văn bản, tài liệu và quy trình theo Hệ thống quản lý chất lượng do người đứng đầu quyết định ban hành?

- Duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định?

- Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị được xây dựng và áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

2. Việc khắc phục tồn tại, hạn chế.

3. Những tồn tại, hạn chế chưa được khắc phục; nguyên nhân.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Nêu khái quát phương hướng, nhiệm vụ CCHC trọng tâm của cơ quan, đơn vị trong thời gian tới.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

(Số liệu báo cáo tính từ 01/01/2024 đến thời điểm báo cáo)